

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08- 08- 2022.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Ông Hồ Tấn Lộc.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Văn Đ tự tìm hiểu yêu thương nhau sau đó đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền số 01/2006 ngày 03/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thành phố D và hạnh phúc được thời gian đầu, sau xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông Đ thường xuyên uống rượu và đánh vợ; vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhưng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn

ngày càng nặng nề, trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/4/2007 và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 16/9/2013. Bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông Nguyễn Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi mỗi con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Phạm Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ:* Căn cứ bản tự khai ngày 10 tháng 6 năm 2022 ông Đ đến Tòa nộp bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Nội dung bản tự khai, ông Đ đồng ý ly hôn và giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/4/2007 và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 16/9/2013 cho bà T nuôi dưỡng; ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi mỗi con tròn 18 tuổi và nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, bà T làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ chấp nhận. Về con chung, vợ chồng 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/4/2007 và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 16/9/2013. Bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông Nguyễn Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi mỗi con tròn 18 tuổi; ông Đ đồng ý giao 02 con chung cho bà T và thực hiện nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi mỗi con tròn 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố D nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn Đ có Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/2006 ngày 03/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh T*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Văn Đ, có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn; hiện vợ chồng đã sống ly thân; ngày 10 tháng 6 năm 2022 ông Nguyễn Văn Đ đến Tòa nộp bản tự khai và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc bị đơn không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[4] *Về con chung, vợ chồng 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/4/2007 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/9/2013*. Bà Phạm Thị Thanh Thúy yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông Nguyễn Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi mỗi con tròn 18 tuổi; tại bản tự khai ngày 10 tháng 6 năm 2022 ông Đ đồng ý giao 02 con chung cho bà T và thực hiện nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi mỗi con tròn 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm, cấp dưỡng nuôi con*: Bà T chịu án phí ly hôn và ông Nguyễn Văn Đ chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.*

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền số 01/2006 ngày 03/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, cấp).

1.2 Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/4/2007 và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 16/9/2013 cho bà Phạm Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi mỗi con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn bà Phạm Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn Đ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bà T phải tạo điều kiện cho ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Phạm Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. *Về án phí:* Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003880 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Văn Đ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND TP D (1);
- CC THADS TP D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND phường D, tp D, BD (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân